| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:13/2019/HNGĐ-PT
Ngày 28-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thanh Vân

*Các Thẩm phán:* Ông Lương Ngọc Dũng

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

***- Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Văn Dỏn, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2019/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1719/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh NVQ, sinh năm 1981; nơi cư tại: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; đơn vị công tác: D; có mặt.

Bị đơn: Chị NTL, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn E, xã F, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người kháng cáo: Anh NVQ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn anh NVQ trình bày: Anh và chị NTL kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã F, huyện C, Hải Phòng vào ngày 07 tháng 01 năm 2011. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với bố mẹ chị NTL tại thôn E, xã F, C đến năm 2014 thì chuyển về sinh sống tại thôn A, xã B, huyện C, Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính cách và lối sống không phù hợp nhau. Vợ chồng không thống nhất với nhau về kinh tế và không tin tưởng nhau về tình cảm nên nhiều lần xảy ra xô xát, cãi nhau làm ảnh hưởng đến việc dạy dỗ con chung. Mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị NTL đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị NTL.

Về con chung: Anh và chị NTL có 02 con chung là G, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2012 và H, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2016. Ly hôn anh đề nghị được nuôi con G, chị NTL nuôi con H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và công nợ: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn chị NTL trình bày thống nhất với lời trình bày của anh NVQ về thời gian, điều kiện kết hôn và nơi ở của vợ chồng. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống của vợ chồng không phù hợp nhau, anh NVQ không có trách nhiệm với gia đình và nuôi dạy con chung. Chị góp ý nhưng anh NVQ không sửa đổi mà nhiều lần còn đánh chị và con gái. Mâu thuẫn của vợ chồng được gia đình hai bên hòa giải, anh NVQ viết giấy cam đoan nhưng sau đó không thay đổi cách sống, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh NVQ từ tháng 01 năm 2016 đến nay. Anh NVQ xin ly hôn chị, chị đồng ý. Về con chung: Từ khi chị và anh NVQ sống ly thân, chị là người trực tiếp nuôi hai con, anh NVQ không chu cấp nuôi con. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh NVQ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh NVQ và chị NTL.

2. Về con chung: Giao hai con G, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2012 và H, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2016 cho chị NTL nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh NVQ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền và nghĩa vụ thăm nom con, tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 4 năm 2019, anh NVQ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh NVQ chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cho anh được nuôi 01 con chung là cháu G. Đối với quan hệ hôn nhân anh đồng ý ly hôn nhưng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc anh NVQ không có trách nhiệm với gia đình, không chu cấp nuôi dưỡng các con; anh NVQ nóng tính không kìm chế nhiều lần đánh chị NTL là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh NVQ trình bày: Từ ngày vợ chồng sống ly thân, các con ở với chị NTL, mỗi khi anh đến gặp con và đón con về nhà chơi thì chị NTL và gia đình thường gây khó khăn, đặc biệt con trai anh đã gần 03 tuổi mà chị NTL chưa cho anh đón về chơi bên nội, mỗi lần anh muốn đón con, chị NTL lại đưa ra nhiều lý do để cản trở anh. Hiện chị NTL chưa có nhà, phải ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, lương giáo viên thấp nên không đủ điều kiện để nuôi hai con. Bản thân anh là quân nhân chuyên nghiệp có thu nhập cao hơn chị NTL, có thời gian để đưa đón con đi học và chăm sóc con. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giao cho anh có quyền nuôi dưỡng cháu G. Có thể sau này anh cũng sẽ không đón cháu Như về nuôi mà vẫn để chị NTL nuôi và chăm sóc cháu nhưng về phương diện pháp luật chị NTL sẽ không có quyền gây khó khăn cho anh trong việc thăm nom và chăm sóc con. Mặt khác, trong quá trình các con ở với chị NTL, mỗi lần anh đến thăm đều cho quà, nhiều lần anh đưa tiền cho con và bảo con đưa cho chị NTL nên việc chị NTL nói anh không có trách nhiệm với gia đình, không chu cấp cho các con là không đúng. Quá trình chung sống với chị NTL, vợ đồng đôi lúc có xô xát nhưng chị NTL trình bày nhiều lần anh đánh chị NTL là không đúng.

Chị NTL giữ nguyên yêu cầu được nuôi dưỡng hai con và trình bày: Kể từ khi anh chị sống ly thân, hai con ở với chị và được chị chăm sóc, dạy dỗ rất tốt, hiện cháu H chưa đủ 03 tuổi, cháu G mới hơn 07 tuổi, là con gái nên đều cần có sự chăm sóc của mẹ. Bản thân chị có đủ sức khỏe, phẩm chất đạo đức, có công việc

ổn định (là giáo viên tiểu học), lương tháng gần 8.000.000 đồng/tháng, làm việc giờ hành chính nên chị có nhiều thời gian và kỹ năng chăm sóc, nuôi dạy con, trường học của các con ở gần nhà chị ở. Hiện tại, chị đã xây nhà trên đất của bố mẹ chị cho và ba mẹ con chị đã có chỗ ở riêng. Về phía anh NVQ, trước khi kết hôn với chị, anh đã có một đời vợ và có một con riêng nên anh NVQ cũng phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con riêng của mình. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, một mình chị nuôi con, anh NVQ không cấp dưỡng. Việc anh NVQ đến thăm nom con, chị và gia đình đều tạo điều kiện, không cản trở. Mặt khác anh NVQ là bộ đội, thường xuyên phải ở lại đơn vị nên không có thời gian đưa đón và chăm sóc các con. Vì vậy, chị đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định trong quá trình chung sống anh NVQ nhiều lần đánh đập chị NTL, sau khi vợ chồng ly thân, anh NVQ không chu cấp tiền nuôi dưỡng con cái. Về con chung, hiện hai con chung của anh chị còn nhỏ, từ khi ly thân đến nay các con sống với chị NTL và được chị NTL chăm sóc tốt. Anh NVQ kháng cáo đề nghị được nuôi một con nhưng anh trình bày mục đích chủ yếu là để thuận lợi mỗi khi anh đón con về chơi. Như vậy, anh NVQ hoàn toàn không có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên việc Tòa án cấp sơ thẩm giao hai con cho chị NTL nuôi dưỡng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự bác đơn kháng cáo của anh NVQ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của anh NVQ

[2] Anh NVQ cho rằng bản án sơ thẩm nhận định anh không có trách nhiệm với gia đình, không chu cấp tiền nuôi con, nhiều lần đánh vợ là không đúng. Vấn đề

này Hội đồng xét xử xét: Quá trình giải quyết vụ án chị NTL khai nhận nội dung như bản án sơ thẩm đã nhận định. Lời khai của chị NTL phù hợp với biên bản xác minh của Trưởng thôn, Chi hội trưởng Hội phụ nữ thôn A, xã B và lời khai của bố đẻ chị NTL; phù hợp với 02 bản cam kết do chính anh NVQ tự viết sau mỗi lần vợ chồng xô xát (Biên bản ghi ngày 18/6/2015 và ngày 30/7/2015), trong đó anh NVQ thừa nhận nhiều lần đánh chị NTL. Tại phiên tòa, anh NVQ trình bày từ khi chị NTL đưa hai con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở vào năm 2016 đến nay, anh vẫn thường xuyên đến thăm, đưa tiền cho con và bảo con đưa cho mẹ. Tuy nhiên, anh NVQ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc anh NVQ đưa tiền cho con. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định trong quá trình chung sống, anh NVQ nhiều lần nóng tính và có hành vi đánh chị NTL, sau khi ly thân anh NVQ không có trách nhiệm chu cấp tiền nuôi con như nhận định của bản án sơ thẩm là đúng.

[3] Về con chung: Anh NVQ và chị NTL có 02 con chung là G, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2012 và H, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2016. Hai cháu sống cùng chị NTL tại thôn E, xã F, huyện C, Hải Phòng từ năm 2016 đến nay. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu G đủ 7 tuổi và có đơn đề nghị được ở với chị NTL. Hội đồng xét xử sơ thẩm trên cơ sở đánh giá điều kiện, hoàn cảnh về chỗ ở, công việc, thu nhập cũng như thời gian của mỗi bên và giao hai con cho chị NTL nuôi dưỡng là có căn cứ.

[4] Tại giai đoạn phúc thẩm, anh NVQ kháng cáo đề nghị được nuôi cháu G, chị NTL nuôi cháu H. Hội đồng xét xử xét: Cả anh NVQ và chị NTL đều có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo kinh tế cho việc nuôi dạy các con. Tuy nhiên, từ khi anh NVQ và chị NTL sống ly thân, các con đều do chị NTL chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện chị NTL ở với bố mẹ đẻ và được bố mẹ hỗ trợ cho đất xây nhà và ba mẹ con chị đã ở riêng. Ngoài ra chị còn được bố mẹ hỗ trợ cả về vật chất và tinh thần để chăm sóc con cái. Theo tài liệu xác minh của Tòa án cấp phúc thẩm tại đơn vị nơi anh NVQ công tác xác nhận: Anh NVQ là quân nhân chuyên nghiệp nên buổi trưa và đêm phải ở đơn vị, trừ khi có việc cần thiết hoặc khẩn cấp thì đơn vị tạo điều kiện cho về nhà. Như vậy, mặc dù anh NVQ có nơi ở và thu nhập ổn định nhưng do tính chất công việc nên anh NVQ không thể thường xuyên có mặt ở nhà để chăm sóc con cái, trong khi cháu Như còn nhỏ, là con gái, chưa chủ động được trong sinh hoạt mà vẫn cần có sự hỗ trợ của người lớn. Mặt khác tại phiên tòa, anh NVQ cũng thừa nhận việc để chị NTL trực tiếp nuôi dưỡng các con sẽ tốt hơn, nếu Tòa án giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng thì chưa chắc anh đã đón con về nuôi mà vẫn giao con cho chị NTL nuôi. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự ổn định cho cuộc sống của hai cháu, cần giao hai cháu cho chị NTL nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

[5] Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh NVQ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Anh NVQ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Do yêu cầu kháng cáo của anh NVQ không được chấp nhận nên anh NVQ phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 38, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình,

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh NVQ, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh NVQ và chị NTL.

2. Về con chung: Giao hai con G, sinh ngày 12 tháng 3 năm 2012 và H, sinh ngày 17 tháng 6 năm 2016 cho chị NTL nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh NVQ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017021 ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Như vậy, Anh NVQ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Án phí ly hôn phúc thẩm: Anh NVQ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017163 ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Như vậy, anh NVQ đã nộp đủ án phí ly hôn phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án 01/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
-VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã F, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thanh Vân**